

**Biểu số 01**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024 HUYỆN SA THẦY**

*DVT: Triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch tỉnh giao năm 2024			Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 1 tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/4/2024					Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 2				Tăng, giảm so với Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/4/2024	Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết	Tổng số	Phân bổ chi tiết đợt này		Chưa phân bổ chi tiết			
			Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Tổng số	Trong đó				Tổng số	Vốn ĐTPT				Vốn sự nghiệp
							Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp								
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8	5	6	7	8	9=10+13	10	11	12	13	14	15
	<b>Tổng số</b>	<b>38.782,0</b>	<b>38.782,0</b>	<b>-</b>	<b>85.032,9</b>	<b>80.032,0</b>	<b>80.032,0</b>	<b>-</b>	<b>5.000,9</b>	<b>86.032,855</b>	<b>83.682,855</b>	<b>83.682,855</b>	<b>-</b>	<b>1.350,000</b>	<b>1.000,000</b>	
<b>I.</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư trong cân đối NSDP</b>	<b>38.782,0</b>	<b>38.782,0</b>	<b>-</b>	<b>78.382,0</b>	<b>77.032,0</b>	<b>77.032,0</b>	<b>-</b>	<b>1.350,0</b>	<b>78.382,000</b>	<b>77.032,000</b>	<b>77.032,000</b>	<b>-</b>	<b>1.350,000</b>	<b>-</b>	
1	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	11.182,0	11.182,0	-	11.182,0	9.832,0	9.832,0	-	1.350,0	111.182,000	9.832,000	9.832,000	-	1.350,000	-	
-	Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND	7.832,0	7.832,0		7.832,0	7.832,0	7.832,0			7.832,000	7.832,000	7.832,000			-	
-	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	2.000,0	2.000,0		2.000,0	2.000,0	2.000,0			2.000,000	2.000,000	2.000,000			-	
-	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	1.350,0	1.350,0		1.350,0	-			1.350,0	1.350,000	-			1.350,000	-	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	27.600,0	27.600,0		67.200,0	67.200,0	67.200,0			67.200,000	67.200,000	67.200,000			-	
<b>II.</b>	<b>Các nguồn thu được để lại đầu tư (nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư năm 2023)</b>				<b>6.650,9</b>	<b>3.000,0</b>	<b>3.000,0</b>		<b>3.650,9</b>	<b>6.650,855</b>	<b>6.650,855</b>	<b>6.650,855</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	
<b>III.</b>	<b>Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2023</b>									<b>1.000,000</b>	<b>1.000,000</b>	<b>1.000,000</b>		<b>1.000,000</b>		

**Biểu số 02**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 điều chỉnh (Lần 3)				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 1 tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/4/2024				Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 2				Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú					
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Phân bổ chi tiết		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Phân bổ chi tiết		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSDP	Chưa phân bổ chi tiết (*)			
										Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước					Thanh toán nợ XDCB	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSDP	Chưa phân bổ chi tiết (*)						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Chưa phân bổ chi tiết (*)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25					
	<b>TỔNG CỘNG</b>						873.060,0	354.460,0	258.978,7	258.978,7	-	-	61.211,6	61.211,6	78.382,0	77.032,0	9.832,0	1.350,0	78.382,0	77.032,0	9.832,0	1.350,0	-						
I	<b>NGUỒN CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTĐ</b>						324.000,0	82.200,0	26.213,9	26.213,9	-	-	6.414,9	6.414,9	11.182,0	9.832,0	9.832,0	1.350,0	11.182,0	9.832,0	9.832,0	1.350,0	-						
I.1	<b>Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh</b>						318.000,0	76.200,0	20.352,9	20.352,9	-	-	4.688,9	4.688,9	7.832,0	7.832,0	7.832,0	-	7.832,0	7.832,0	7.832,0	-	-						
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023																							-					
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024																							-					
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024						318.000,0	76.200,0	20.352,9	20.352,9	-	-	4.688,9	4.688,9	7.832,0	7.832,0	7.832,0	-	7.832,0	7.832,0	7.832,0	-	-						
1	Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến nhà máy thủy điện laly	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	TT Sa Thầy		2021-	674/QĐ-UBND 29/7/2021	318.000,0	76.200,0	20.352,9	20.352,9			4.688,9	4.688,9	7.832,0	7.832,0	7.832,0		7.832,0	7.832,0	7.832,0			-	Chưa bao gồm 241.800 triệu đồng nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương; 55.847,142 triệu đồng nguồn thu tiền sử dụng đất; 3.464,6 triệu đồng đối ứng CTMTQG xây dựng NTM năm 2024				
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2024																							-					
I.2	<b>Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)</b>						6.000,0	6.000,0	4.511,0	4.511,0	-	-	1.726,0	1.726,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	-	2.000,0	2.000,0	2.000,0	-	-						
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023																							-					
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2024						2.500,0	2.500,0	1.880,0	1.880,0	-	-	1.726,0	1.726,0	154,0	154,0	154,0	-	154,0	154,0	154,0	-	-						
1	Xây dựng Trường PTDTBT Tiểu học Lý Thường Kiệt. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Mộ Rai		2023-2024	2027/QĐ-UBND 02/12/2022	2.500,0	2.500,0	1.880,0	1.880,0			1.726,0	1.726,0	154,0	154,0	154,0		154,0	154,0	154,0			-					
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2024						3.500,0	3.500,0	2.631,0	2.631,0	-	-	-	-	1.846,0	1.846,0	1.846,0	-	1.846,0	1.846,0	1.846,0	-	-						
1	Trường Mầm non Váng Anh xã Ya Tâng. Hạng mục: Nhà phục vụ học tập 02 phòng và hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Ya Tâng		2024	1825/QĐ-UBND 27/11/2023	1.250,0	1.250,0	939,0	939,0					906,0	906,0	906,0		906,0	906,0	906,0			-	Chưa bao gồm 310 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT; 563,4 triệu đồng đối ứng CTMTQG xây dựng NTM năm 2024				
2	Làm mới Giếng khoan, Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh và nhà vệ sinh giáo viên Trường Mầm non xã Sa Nhon	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Sa Nhon		2024	1826/QĐ-UBND 27/11/2023	1.000,0	1.000,0	752,0	752,0					752,0	752,0	752,0		752,0	752,0	752,0			-	Chưa bao gồm 248 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT; 564 triệu đồng đối ứng CTMTQG xây dựng NTM năm 2024				
3	Xây dựng Trường TH và THCS xã Ya Ly; hạng mục: Nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ tại Điểm trường trung tâm Làng Chừ	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện	Xã Ya Ly		2024	1843/QĐ-UBND 30/11/2023	1.250,0	1.250,0	940,0	940,0					188,0	188,0	188,0		188,0	188,0	188,0			-	Chưa bao gồm 310 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT; 94,7 triệu đồng đối ứng Dự án 5 - Chương trình MTQG DT&MN năm 2024				
I.3	<b>Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã</b>				2024				1.350,0	1.350,0					1.350,0	-	1.350,0	1.350,0	-	-	1.350,0	-	-		(*)				
II	<b>NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG CÂN ĐỐI</b>						549.060,0	272.260,0	232.764,8	232.764,8	-	-	54.796,7	54.796,7	67.200,0	67.200,0			67.200,0	67.200,0			-						



**Biểu số 03**

**TỔNG HỢP VỐN PHÂN CẤP CỦA TỈNH CHO HUYỆN NĂM 2024**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Tổng số	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg					Thu tiền sử dụng đất			Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)	Ghi chú
	Tổng số	Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND	Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Tổng số	Trong đó:			
							Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Phân cấp thực hiện nhiệm vụ chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai		
38.782	11.182	7.832	2.000		1.350	27.600	22.000	5.600		

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN THU DẸ LẠI ĐẦU TƯ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh (Lần 3) và các Nghị quyết phê duyệt bổ sung		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 1 tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/4/2024					Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 2					Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú						
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết (*)	Phân bổ chi tiết đợt này			Chưa phân bổ chi tiết (*)								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: NSDP			
																			Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước						Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	TỔNG SỐ						95.708,0	7.400,0	3.400,0	3.400,0	-	-	-	-	6.650,855	3.000,000	3.000,000	-	-	3.650,9	6.650,855	6.650,855	6.650,855	-	-	-	28=22-16	29	
1	Nguồn thu để lại cho đầu tư (Nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2023)						95.708,0	7.400,0	3.400,0	3.400,0	-	-	-	-	6.650,855	3.000,000	3.000,000	-	-	3.650,9	6.650,855	6.650,855	6.650,855	-	-	-			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2024																												
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2024						95.708,0	7.400,0	3.400,0	3.400,0	-	-	20.754,0	-	6.650,855	3.000,000	3.000,000	-	-	3.650,9	6.650,855	6.650,855	6.650,855	-	-	-			
1	Đường giao thông từ tỉnh lộ 674, xã Sa Sơn đi Đai tương niệm Chư Tan Kra và sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp Đai tương niệm Chư Tan Kra	Ban Quản lý Dự án đầu tư và xây dựng	H. Sa Thầy		2023-2025	656/QĐ-UBND 27/12/2023	65.000,0	7.000,0	3.000,0	3.000,0					3.000,000	3.000,000	3.000,000				3.000,000	3.000,000	3.000,000					Chưa bao gồm 49.500 triệu đồng nguồn vốn ngân sách tỉnh; 4.000 triệu đồng nguồn thu sử dụng đất	
2	(*)														3.650,855					3.650,9								- 3.650,855	
3	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ thôn Đăk Wót, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy	Ban Quản lý Dự án đầu tư và xây dựng	Xã Hơ Moong		2022-2024	1900/QĐ-UBND 11/11/2022; 916/QĐ-UBND 08/5/2024	30.708,0	400,0	400,0	400,0			20.754,0	-	-	-	-	-	-	-	-	400,000	400,000	400,000			-	400,000	Chưa bao gồm 27.317 triệu đồng nguồn vốn ngân sách Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
4	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất trụ sở làm việc khối Mặt trận và Đoàn thể huyện Sa Thầy	Ban Quản lý Dự án đầu tư và xây dựng	Thị trấn Sa Thầy		2024-2025	1014/QĐ-UBND 24/5/2024	2.500,0	2.500,0	2.500,0	2.500,0												1.050,855	1.050,855	1.050,855				1.050,855	
5	Nhà văn hóa xã Hơ Moong và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý Dự án đầu tư và xây dựng	Xã Hơ Moong		2024-2025	1013/QĐ-UBND 24/5/2024	1.400,0	1.400,0	1.400,0	1.400,0												1.400,000	1.400,000	1.400,0				1.400,000	
6	Trường Mầm non Sơn Ca, hạng mục: Xây mới 03 phòng học; khu nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý Dự án đầu tư và xây dựng	Xã Hơ Moong		2024-2025	1001/QĐ-UBND 22/5/2024	3.920,0	3.920,0	3.920,0	3.920,0												400,000	400,000	400,000			-	400,000	
7	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản, hạng mục: Xây mới nhà học hai tầng 04 phòng và các hạng mục phụ trợ	Ban Quản lý Dự án đầu tư và xây dựng	Xã Hơ Moong		2024-2025	1015/QĐ-UBND 24/5/24	3.000,0	3.000,0	3.000,0	3.000,0												400,000	400,000	400,000				400,000	

(\*) Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn tất thủ tục đầu tư các dự án trình cấp thẩm quyền phân bổ chi tiết đảm bảo theo quy định.

Biểu mẫu số 05  
NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2023		Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 1 tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/4/2024				Kế hoạch huyện giao năm 2024 điều chỉnh - lần 2				Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP						Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:	
														Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=16-12	21		
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>5.000,000</b>	<b>5.000,000</b>			-	-	-	-	<b>1.000,000</b>	<b>1.000,000</b>	-	-	<b>1.000,000</b>			
1	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2023					5.000,000	5.000,000			-	-	-	-	1.000,000	1.000,000	-	-	1.000,000			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023																		-		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																		-		
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023					5.000,000	5.000,000			-	-	-	-	1.000,000	1.000,000	-	-	1.000,000			
1	Đường giao thông lên khu di tích lịch sử diêm cao 1049, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy	BQL DA ĐTXD	Xã Hơ Moong	2023-2024	317/QĐ-UBND 16/3/2023	5.000,000	5.000,000	5.000,000	2.937,550	-				1.000,000	1.000,000			1.000,000	Chưa bao gồm 937,55 triệu nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2022		